

VẬN DỤNG MỘT SỐ KỸ THUẬT DẠY HỌC Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG

TS. Tống Xuân Tâm - Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh

1. Một số khái niệm

1.1. Quan điểm dạy học (Teaching perspective)

Quan điểm dạy học (QDDH) là khái niệm rộng lớn, định hướng tổng thể cho các hành động của phương pháp, trong đó có sự kết hợp giữa nguyên tắc dạy học làm nền tảng, những cơ sở lý thuyết của lý luận dạy học đại cương hay chuyên ngành; là những điều kiện và tổ chức dạy học, những định hướng mang tính chiến lược dài hạn, có tính cương lĩnh, là mô hình lý thuyết của phương pháp dạy học (PPDH).

QDDH chưa đưa ra những mô hình hành động cũng như những hình thức xã hội cụ thể của phương pháp; giúp định hướng để lựa chọn phương pháp và mô hình dạy học cụ thể. Một QDDH có thể có nhiều phương pháp và mô hình dạy học cụ thể. Ví dụ: QDDH phát triển năng lực tư duy bậc cao cho học sinh có thể sử dụng các phương pháp và mô hình dạy học phù hợp với QDDH này như dạy học nêu và giải quyết vấn đề (Problem and solving based learning), dạy học tình huống (Case study), dạy học dự án (Project based learning), dạy học tích hợp (Integrations),... Tuy nhiên, có những phương pháp và mô hình dạy học phù hợp với nhiều QDDH.

1.2. Phương pháp dạy học (Teaching methods)

Các PPDH là khái niệm hẹp hơn, đưa ra mô hình hành động. Một PPDH cụ thể có các kỹ thuật dạy học (KTDH) đặc thù. Có nhiều khái niệm khác nhau chưa thống nhất về PPDH:

Theo N. M. Veczilin và V. M. Coocxunskaja, “PPDH là cách thức thầy truyền đạt kiến thức, đồng thời là cách thức lĩnh hội của trò”.

“PPDH là cách thức hoạt động của thầy tạo ra mối liên hệ qua lại với hoạt động của trò để đạt mục đích dạy học”.

“PPDH là cách thức hoạt động có trình tự, phối hợp, tương tác của thầy và trò nhằm đạt được mục đích dạy học”.

“PPDH là hệ thống những hành động có mục đích của thầy, là hoạt động nhận thức và thực hành có tổ chức của trò, nhằm đảm bảo cho trò lĩnh hội được nội dung tri thức”.

Sau đây là khái niệm PPDH được nhiều nhà giáo dục, nhiều nhà sư phạm đồng tình nhất: “PPDH là tổng hợp các cách thức hoạt động phối hợp, tương tác giữa giáo viên và học sinh, nhằm giúp học sinh chiếm lĩnh hệ thống kiến thức khoa học, hình thành hệ thống kỹ năng, kỹ xảo, thực hành sáng tạo và có thái độ chuẩn mực, theo mục tiêu của quá trình dạy học”.

1.3. Kỹ thuật dạy học (Teaching techniques)

KTDH là khái niệm nhỏ nhất, thực hiện các tình huống hành động. Một KTDH có thể được dùng trong nhiều PPDH khác nhau. Giống như PPDH, KTDH cũng có nhiều khái niệm chưa thống nhất.

“KTDH nói tới những phương pháp, cách thức tiến hành hoạt động dạy học bảo đảm chất lượng và hiệu quả”.

“KTDH là những biện pháp, cách thức hành động của thầy và trò trong các tình huống nhỏ nhằm thực hiện và điều khiển quá trình dạy học”.

Như vậy, các KTDH chưa phải là các PPDH độc lập mà là những thành phần của PPDH. Ví dụ, trong phương pháp thảo luận nhóm có các KTDH như: kỹ thuật chia nhóm, kỹ thuật tạo chủ đề, kỹ thuật tạo tình huống có vấn đề, kỹ thuật giải quyết xung đột, kỹ thuật trình bày, kỹ thuật nhận xét, đánh giá,... Các KTDH vô cùng phong phú về số lượng, có thể tới hàng ngàn. Đặc biệt, trong dạy học cần chú trọng các KTDH phát huy tính tích cực, sáng tạo của học sinh.

KTDH mang tính hợp tác, kích thích, thúc đẩy tham gia tích cực, sáng tạo của học sinh; tăng cường hiệu quả học tập, sự hợp tác, giao tiếp, chia sẻ kinh nghiệm và trách nhiệm cá nhân; đòi hỏi học sinh áp dụng nhiều năng lực khác nhau.

1.4. Hình thức tổ chức dạy học (Forms of teaching methods)

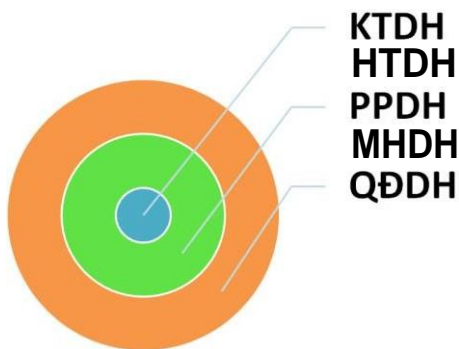
Hình thức tổ chức dạy học là cách thức tổ chức, sắp xếp các giờ học ở trường cho phù hợp với mục tiêu, nội dung bài học, môn học, phù hợp với điều kiện và môi trường lớp học, nhằm làm cho quá trình dạy học đạt được kết quả tốt nhất.

1.5. Mô hình dạy học (Instructional model)

Mô hình dạy học là sự kết hợp khéo léo các phương pháp, kỹ thuật, hình thức tổ chức dạy học nhằm đạt được mục tiêu và chiến lược dạy học.

1.6. Mối quan hệ giữa các khái niệm dạy học

Mối quan hệ giữa quan điểm dạy học - mô hình dạy học - phương pháp dạy học - hình thức tổ chức dạy học - kỹ thuật dạy học:



2. Một số kỹ thuật dạy học

2.1. Động não - C òng n ão (Brainstorming)

2.1.1. Khái niệm

Động não là một kỹ thuật huy động những tư tưởng mới mẻ, độc đáo về một chủ đề nhằm tạo ra “cơn lốc” các ý tưởng. Kỹ thuật động não do Alex Osborn (Mĩ) phát triển.

Mục đích: làm cho mọi người cùng hoạt động; mỗi thành viên có cơ hội bày tỏ ý kiến của mình; làm rõ quan điểm của nhau nhưng không nhằm giải quyết vấn đề.

2.1.2. Quy tắc

Không đánh giá và phê phán các ý kiến trong quá trình thu thập ý tưởng của các thành viên; không bỏ đi bất kỳ ý tưởng nào của nhóm; liên hệ với những ý tưởng đã được trình bày; khuyến khích số lượng các ý tưởng; cho phép sự tưởng tượng và liên tưởng; bầu chọn ý tưởng hay để tập trung vào thảo luận.

2.1.3. Tiến hành

- Giáo viên chia nhóm, nhóm tự bầu nhóm trưởng và thư kí

- Giáo viên giao chủ đề hay vấn đề rõ ràng, vừa sức cho các nhóm.
- Nhóm trưởng điều hành nhóm nhưng không được chi phối hay áp đặt ý kiến của mình với nhóm, các thành viên đưa ra những ý kiến của mình, thư kí ghi lại mọi ý kiến của nhóm trên khổ giấy lớn.
- Kết thúc việc đưa ra các ý kiến.
- Đánh giá: lựa chọn sơ bộ các suy nghĩ, chẳng hạn theo khả năng ứng dụng (có thể ứng dụng trực tiếp, có thể ứng dụng nhưng cần nghiên cứu thêm, không có khả năng ứng dụng); đánh giá những ý kiến đã lựa chọn; rút ra kết luận hành động.
- Thư kí báo cáo hoạt động của nhóm bằng miệng hay bằng giấy.

2.1.4. Ứng dụng

Dùng trong giai đoạn nhập đề vào một chủ đề; tìm các phương án giải quyết vấn đề; thu thập các khả năng lựa chọn ý nghĩ khác nhau.

2.1.5. Ưu điểm

Đễ thực hiện; không mất nhiều thời gian; cuốn hút sự tham gia của nhóm với tư duy sáng tạo; sử dụng được hiệu ứng cộng hưởng, huy động tối đa ý kiến và trí tuệ của tập thể; tạo hứng thú, năng động và cơ hội cho nhiều thành viên được tham gia; vì không cho phép đánh giá nên mọi ý kiến đều có giá trị.

2.1.6. Nhược điểm

Có thể đi lạc đề, tản mạn nếu chủ đề không được lựa chọn cẩn thận; có thể mất thời gian nhiều trong việc chọn các ý kiến thích hợp; đôi khi không hiệu quả lắm do người tham gia không đủ kiến thức về chủ đề thảo luận; có thể có một số học sinh quá tích cực chi phối toàn bộ hoạt động, số khác thì thụ động.

2.2. Tia chớp (Lightning)

2.2.1. Khái niệm

Tia chớp là một KTDH huy động sự tham gia của các thành viên đối với một câu hỏi nào đó hoặc thu thập thông tin phản hồi nhằm cải thiện tình trạng giao tiếp và không khí học tập trong lớp thông qua việc các thành viên lần lượt nêu ngắn gọn và nhanh chóng như chớp ý kiến của mình về câu hỏi hoặc tình trạng vấn đề.

2.2.2. Quy tắc

Có thể áp dụng bất cứ thời điểm nào khi các thành viên thấy cần thiết và đề nghị; lần lượt từng người nói suy nghĩ của mình về một câu hỏi đã thỏa thuận; mỗi người chỉ nói ngắn gọn 1 - 2 ý kiến của mình; chỉ thảo luận khi tất cả đã nói xong ý kiến.

2.3. Thảo luận viết không công khai (Individual brainwriting)

2.3.1. Khái niệm

Thảo luận viết không công khai là một hình thức của thảo luận viết. Mỗi thành viên viết những ý nghĩ của mình về cách giải quyết vấn đề nhưng chưa công khai. Sau đó, nhóm mới thảo luận chung về các ý kiến hoặc tiếp tục phát triển.

2.3.2. Ưu điểm

Mỗi thành viên có thể trình bày ý kiến cá nhân mà không bị ảnh hưởng bởi các ý kiến khác.

2.3.3. Nhược điểm

Không nhận được gợi ý từ những ý kiến của các thành viên khác trong việc viết ý kiến riêng.

2.4. Thảo luận viết (Group brainwriting)

2.4.1. Khái niệm

Thảo luận viết là một hình thức biến đổi của động não. Trong thảo luận viết, ý tưởng không được trình bày miệng mà được từng thành viên viết trên giấy về một chủ đề. Sản phẩm có thể là một dạng sơ đồ tư duy.

2.4.2. Tiến hành

Đặt trên bàn 1 - 2 tờ giấy để ghi các ý tưởng, đề xuất của các thành viên. Mỗi thành viên viết những ý nghĩ của mình trên các tờ giấy đó. Có thể tham khảo các ý kiến đã ghi trên giấy của các thành viên khác để tiếp tục phát triển ý nghĩ. Sau khi thu thập xong ý tưởng thì đánh giá các ý tưởng trong nhóm.

2.4.3. Ưu điểm

Có thể huy động sự tham gia của tất cả các thành viên trong nhóm; tạo sự yên tĩnh trong lớp học; tạo ra mức độ tập trung cao và một dạng tương tác xã hội đặc biệt. Những ý kiến nói chuyện bằng giấy bút thường được các thành viên suy nghĩ đặc biệt kĩ.

2.5. Sơ đồ tư duy (Mind map)

2.5.1. Khái niệm

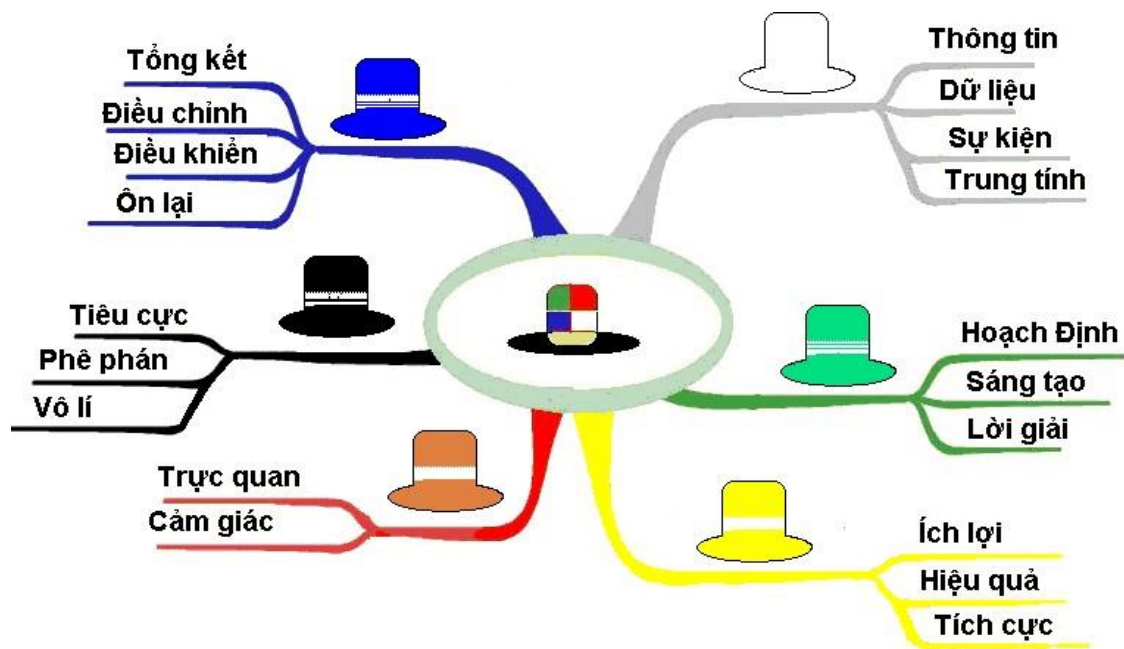
Sơ đồ tư duy là một công cụ tổ chức tư duy, là phương pháp dễ nhất để chuyển tải thông tin vào bộ não rồi đưa thông tin ra ngoài bộ não, là một phương tiện ghi chép sáng tạo và hiệu quả nhằm mở rộng, đào sâu và kết nối các ý tưởng, bao quát được các ý tưởng trên một phạm vi sâu rộng.

Sơ đồ tư duy giúp cho học sinh sáng tạo hơn, tiết kiệm thời gian, tổ chức, phân loại và ghi nhớ tốt hơn, nhìn thấy bức tranh tổng thể,...

2.5.2. Tiến hành

Từ một chủ đề lớn, tìm ra các chủ đề nhỏ liên quan. Từ mỗi chủ đề nhỏ lại tìm ra những yếu tố hoặc nội dung liên quan. Sự phân nhánh cứ tiếp tục và các yếu tố hoặc nội dung luôn được kết nối với nhau. Sự liên kết này sẽ tạo ra một “bức tranh tổng thể” mô tả về chủ đề lớn một cách đầy đủ và rõ ràng.

2.5.3. Ví dụ



Hình 1. Sơ đồ 6 chiếc mũ tư duy

2.6. Phillips XYZ - Kỹ thuật 635 (Techniques 635)

2.6.1. Khái niệm

Phillips XYZ là một kỹ thuật nhằm phát huy tính tích cực trong thảo luận nhóm. X là số người trong nhóm, Y là số ý kiến của mỗi người cần đưa ra, Z là số phút dành cho mỗi người. Con số XYZ có thể thay đổi cho phù hợp với thực tế của lớp học.

2.6.2. Quy tắc

Duy trì số lượng thành viên ít, thời gian thảo luận ngắn, hạn chế ý kiến đóng góp. Các nhóm cùng thảo luận một vấn đề giống nhau hoặc khác nhau. Tờ giấy khổ lớn rất thích hợp để ghi ý kiến đóng góp của các nhóm.

2.6.3. Tiến hành

Giải thích phương pháp và mã số; tạo các nhóm theo mã số đầu tiên; đặt câu hỏi để thảo luận; cho phép thời gian thảo luận và quan sát; yêu cầu từng nhóm báo cáo; ghi lại các câu bình luận.

2.6.4. Ưu điểm

Làm cho mọi người cùng hoạt động và chia sẻ kiến thức, khai thác được kinh nghiệm của nhiều người, sàng lọc được các ý kiến đóng góp, tạo không khí hợp tác trong nhóm nhỏ.

Thực hiện được cho lớp học quá đông, bàn ghế không tiện di rời nhưng giáo viên lại muốn tổ chức cho học sinh thảo luận theo nhóm nhỏ.

2.6.5. Ví dụ

Mỗi nhóm gồm 6 người. Mỗi người viết 3 ý kiến trên 1 tờ giấy. Mỗi người có 5 phút để thực hiện. Tiếp tục như vậy cho đến khi tất cả mọi người đều viết ý kiến của mình, có thể lặp lại vòng khác.

2.7. Chậu (bể) cá (Fishbowl)

2.7.1. Khái niệm

Chậu cá dùng cho thảo luận nhóm. Một nhóm ngồi trước lớp hoặc giữa lớp và thảo luận với nhau (*đóng vai*) để đưa ra các ý kiến một cách tối đa. Nhóm khác quan sát thảo luận và sau khi kết thúc thì đưa ra nhận xét về cách ứng xử của nhóm thảo luận. Trong nhóm thảo luận, có một vị trí không có người ngồi. Người bên ngoài theo dõi nhóm này có thể ngồi vào đó và đóng góp ý kiến cho cuộc thảo luận.

2.7.2. Quy tắc

Giáo viên xác định rõ mục tiêu, vai trò của từng nhóm. Lãnh đạo chậu cá (*nhóm trưởng*) phải đủ mạnh. Khái quát số liệu thu thập từ nhóm quan sát chính là kiến thức của bài học. Giáo viên thúc đẩy các thành viên trong nhóm tham gia tích cực, tham gia như là “những con ếch” để góp ý kiến.

2.7.3. Tiến hành

Giáo viên chia lớp học thành 2 nhóm, giao nhiệm vụ cho từng nhóm. Nhóm 1 bước vào chậu cá, yêu cầu một con cá (*nhóm trưởng*) điều hành hay giáo viên làm. Con cá nêu chủ đề và nhóm bắt đầu thảo luận. Nhóm 2 quan sát hành vi của nhóm 1, tóm tắt kết quả quan sát để đưa ra nội dung bài học.

2.7.4. Bảng câu hỏi cho người ngồi bên ngoài quan sát

Người nói có nhìn vào những người đang nói với mình không? Họ có nói một cách dễ hiểu không? Họ có để những người khác nói không? Họ có đưa ra được những luận điểm đáng thuyết phục không? Họ có đề cập đến luận điểm của người nói trước mình không? Họ có lệch hướng khỏi đề tài không? Họ có tôn trọng những quan điểm khác không?

2.7.5. Ưu điểm

Các nhóm thảo luận sâu về một chủ đề. Học sinh tham gia đóng vai và có cơ hội quan sát hành vi trong nhóm để tự điều chỉnh bản thân mình.

2.8. Ổ bi (*Bearings*)

2.8.1. Khái niệm

Ổ bi là một KTDH dùng trong thảo luận nhóm. Học sinh được chia thành hai nhóm ngồi theo hai vòng tròn đồng tâm như hai vòng của một ổ bi và đối diện nhau để tạo điều kiện cho mỗi người có thể nói chuyện lần lượt với các thành viên ở nhóm khác.

2.8.2. Tiến hành

Khi thảo luận, mỗi thành viên ở vòng trong sẽ trao đổi với thành viên đối diện ở vòng ngoài. Đây là dạng đặc biệt của phương pháp luyện tập đối tác. Sau một ít phút thì thành viên ở vòng ngoài ngồi yên, thành viên vòng trong chuyển chỗ theo chiều kim đồng hồ, tương tự như vòng bi quay, để luôn hình thành các nhóm đối tác mới.

2.9. Thông tin phản hồi (*Feedback*)

2.9.1. Khái niệm

Thông tin phản hồi (*Feedback*) trong quá trình dạy học là hoạt động giữa thầy và trò cùng nhận xét, đánh giá, đưa ra ý kiến đối với những yếu tố cụ thể có ảnh hưởng tới quá trình học tập nhằm mục đích là điều chỉnh, hợp lý hóa quá trình dạy học.

2.9.2. Đặc điểm

Có sự cảm thông, có kiểm soát, được người nghe chờ đợi, cụ thể, không nhận xét về giá trị, đúng lúc, có thể biến thành hành động, cùng thảo luận và mang tính khách quan.

2.9.3. Quy tắc

Diễn đạt ý kiến của bạn một cách đơn giản và có trình tự (*không nói quá nhiều*). Cố gắng hiểu được những suy tư, tình cảm (*không vội vã*). Tìm hiểu các vấn đề cũng như nguyên nhân của chúng. Giải thích những quan điểm không đồng nhất. Chấp nhận cách thức đánh giá của người khác. Chỉ tập trung vào những vấn đề có thể giải quyết được trong thời điểm thực tế. Coi cuộc trao đổi là cơ hội để tiếp tục cải tiến. Chỉ ra các khả năng để lựa chọn.

2.10. Ba lần ba (*Three times three*)

2.10.1. Khái niệm

Kĩ thuật “3 lần 3” là một KTDH lấy thông tin phản hồi nhằm huy động sự tham gia tích cực của học sinh.

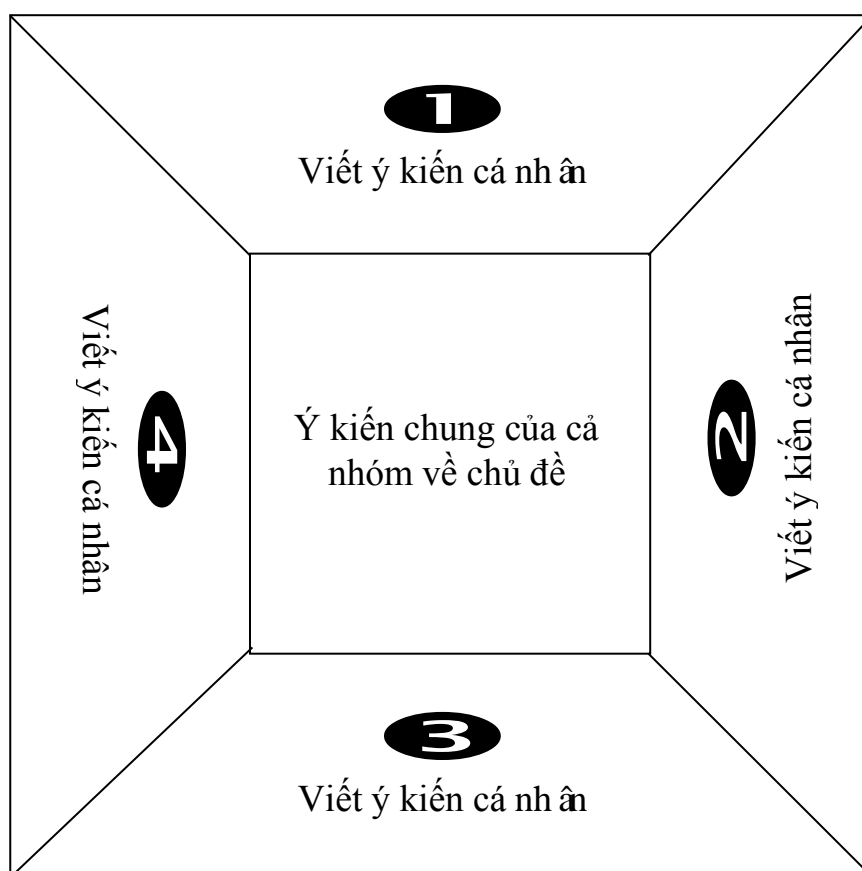
2.10.2. Thực hiện

Học sinh được yêu cầu cho ý kiến phản hồi về một vấn đề nào đó. Mỗi người cần viết ra 3 điều tốt, 3 điều chưa tốt, 3 đề nghị cải tiến. Sau khi thu thập ý kiến thì xử lý và thảo luận các ý kiến phản hồi.

2.11. Khăn trải bàn (*Tablecloths*)

2.11.1. Khái niệm

Kĩ thuật “khăn trải bàn” là hình thức tổ chức hoạt động mang tính hợp tác kết hợp giữa hoạt động cá nhân và hoạt động nhóm nhằm kích thích, thúc đẩy sự tham gia tích cực, tăng cường tính độc lập, trách nhiệm của học sinh và phát triển mô hình có sự tương tác giữa học sinh với học sinh.



Hình 2. Kỹ thuật khăn trải bàn

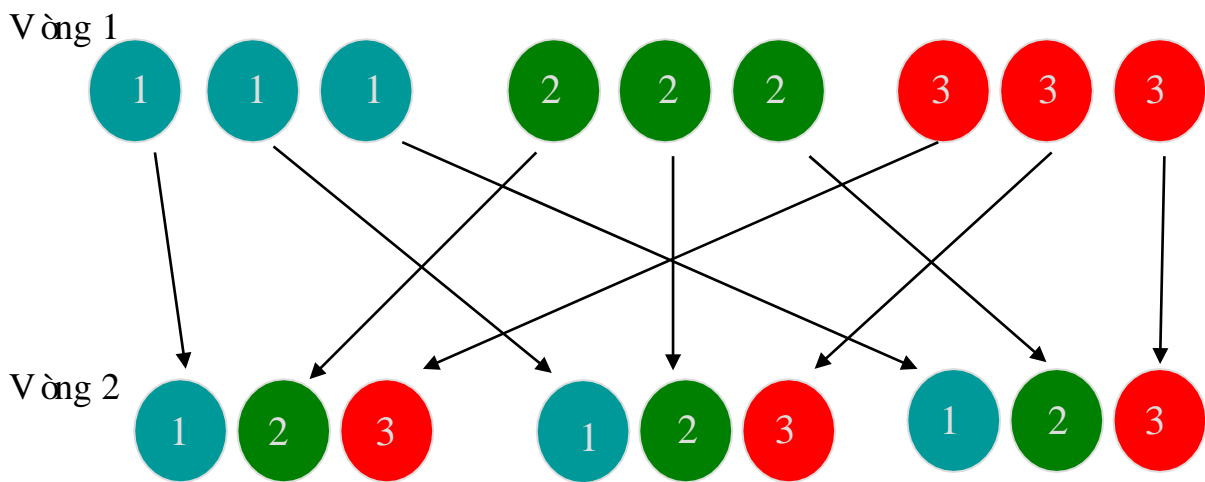
2.11.2. Tiến hành

Hoạt động theo nhóm (4 - 6 người /nhóm). Mỗi người ngồi vào vị trí như hình vẽ minh họa trên. Tập trung vào câu hỏi (*hoặc chủ đề,...*). Viết vào ô mang số của bạn câu trả lời hoặc ý kiến của bạn (*về chủ đề,...*). Mỗi cá nhân làm việc độc lập trong khoảng vài phút. Kết thúc thời gian làm việc, cá nhân và các thành viên chia sẻ, thảo luận, thống nhất các câu trả lời. Viết những ý kiến chung của cả nhóm vào ô giữa tấm khăn trải bàn.

2.12. Các mảnh ghép (Jigsaw)

2.12.1. Khái niệm

Kỹ thuật “các mảnh ghép” là hình thức học tập hợp tác kết hợp giữa cá nhân, nhóm và liên kết giữa các nhóm nhằm giải quyết một nhiệm vụ phức hợp, kích thích sự tham gia tích cực của học sinh, nâng cao vai trò của cá nhân trong quá trình hợp tác (không chỉ hoàn thành nhiệm vụ ở vòng 1 mà còn phải truyền đạt lại kết quả vòng 1 và hoàn thành nhiệm vụ ở vòng 2).



Hình 3. Kỹ thuật các mảnh ghép

2.12.2. Tiến hành

Vòng 1	Vòng 2
✓ Hoạt động theo nhóm 3 hoặc 4 người.	✓ Hình thành nhóm 3 hoặc 4 người mới (1 người từ nhóm 1, 1 người từ nhóm 2 và 1 người từ nhóm 3...).
✓ Mỗi nhóm được giao một nhiệm vụ (Ví dụ: nhóm 1: nhiệm vụ A; nhóm 2: nhiệm vụ B, nhóm 3: nhiệm vụ C).	✓ Các câu trả lời và thông tin của vòng 1 được các thành viên trong nhóm mới chia sẻ đầy đủ với nhau.
✓ Đảm bảo mỗi thành viên trong nhóm đều trả lời được tất cả các câu hỏi trong nhiệm vụ được giao.	✓ Sau khi chia sẻ thông tin vòng 1, nhiệm vụ mới sẽ được giao cho nhóm ở vòng 2 để giải quyết.
✓ Mỗi thành viên đều trình bày được kết quả câu trả lời của nhóm.	✓ Các nhóm mới trình bày, chia sẻ kết quả nhiệm vụ ở vòng 2.

2.12.3. Thiết kế “các mảnh ghép”

Lựa chọn nội dung hoặc chủ đề phù hợp. Xác định một nhiệm vụ phức hợp để giải quyết ở vòng 2 dựa trên kết quả các nhiệm vụ khác nhau đã được thực hiện ở vòng 1. Xác định những yếu tố cần thiết để giải quyết nhiệm vụ phức hợp (kiến thức, kỹ năng, thông tin, chiến lược). Xác định các nhiệm vụ mang tính chuẩn bị (thực hiện ở vòng 1). Xác định các yếu tố hỗ trợ cần thiết để hoàn thành nhiệm vụ ở vòng 2.

2.12.4. Nhiệm vụ của các thành viên trong nhóm

Vai trò	Nhiệm vụ
Trưởng nhóm	Phân công nhiệm vụ
Hậu cần	Chuẩn bị đồ dùng tài liệu cần thiết
Thư kí	Ghi chép kết quả
Phản biện	Đặt các câu hỏi phản biện
Liên lạc với nhóm khác	Liên hệ với các nhóm khác
Liên lạc với giáo viên	Liên lạc với giáo viên để xin trợ giúp

2.12.5. Ví dụ

Ví dụ 1: Tìm hiểu về sự phát triển của cá

Vòng 1: Điều gì xảy ra nếu cá không có mang? Điều gì xảy ra nếu cá không có vây? Điều gì xảy ra nếu cá không có nước?

Vòng 2: Những yếu tố nào cần thiết cho sự phát triển của cá? Tại sao?

Ví dụ 2: Hãy phân biệt nguyên phân và giảm phân.

Vòng 1: Thế nào là nguyên phân? Nguyên phân có những kì nào? Thế nào là giảm phân? Giảm phân có những kì nào?

Vòng 2: Nguyên phân và giảm phân khác nhau ở những điểm nào?

2.13. Biểu đồ KWL và KWLH (KWL & KWLH charts)

2.13.1. Khái niệm

Biểu đồ KWL được Donna Ogle xây dựng vào năm 1986, vốn là một hình thức tổ chức dạy học hoạt động đọc hiểu.

Biểu đồ KWL là một trong những dạng biểu đồ được sử dụng phổ biến nhất tìm hiểu những gì học sinh đã biết. Biểu đồ này có ba cột, một cột có tên “Điều đã biết”, cột khác có tên “Điều muốn biết”, và cột thứ ba có tên là “Học được”. Biểu đồ đơn giản này kích hoạt những kiến thức có sẵn của học sinh bằng cách hỏi học sinh những gì học sinh đã biết về một chủ đề nào đó trước khi đi sâu vào khám phá nội dung. Học sinh bắt đầu bằng cách động não để đưa ra các ý tưởng của mình vào cột K “Điều đã biết” của biểu đồ. Sau đó, một cách độc lập hoặc theo nhóm, học sinh động não để đưa ra các câu hỏi về nội dung trong cột W “Điều muốn biết” thêm về chủ đề. Cuối cùng, khi học sinh bắt đầu trả lời những câu hỏi này ở cột W trong suốt quá trình học, học sinh ghi lại thông tin ở cột L “Học được” trong biểu đồ. Biểu đồ KWL đòi hỏi học sinh phải thật sự hiểu những gì đã học, so sánh kiến thức mới với những gì đã biết, và làm sáng tỏ các ý tưởng. Biểu đồ này cũng giúp học sinh tập trung và gọi sự hứng thú vào nội dung học. Nó cũng giúp học sinh biết mình đã học những gì. Sau cùng, biểu đồ này có thể được dùng như là một tài liệu trong bộ hồ sơ đánh giá, cho biết học sinh đã học được những gì

Biểu đồ KWL có thể được sử dụng xuyên suốt chương trình giảng dạy ở bất kỳ cấp lớp nào. Chúng có thể được dùng để bắt đầu một bài học mới và được tham khảo xuyên suốt bài học đó. Thường thì giáo viên không dùng biểu đồ này để chấm điểm, mà đúng hơn, chúng được dùng để học sinh viết ra những ý tưởng và thắc mắc của mình mà không sợ bị phán xét. Loại biểu đồ này cũng có thể hỗ trợ việc phân nhóm học sinh và là điểm khởi đầu cho việc thảo luận theo cặp hoặc theo nhóm.

Xuất phát từ biểu đồ KWL, Ogle bổ sung thêm cột H ở sau cùng, với nội dung khuyến khích học sinh định hướng nghiên cứu. Sau khi học sinh đã hoàn tất nội dung ở cột L, họ có thể muốn tìm hiểu thêm về một thông tin. Học sinh sẽ nêu biện pháp để tìm thông tin mở rộng. Những biện pháp này sẽ được ghi nhận ở cột H.

2.13.2. Tiến hành

Tìm ra điều bạn đã biết về một chủ đề → Tìm ra điều bạn muốn biết về một chủ đề → Thực hiện nghiên cứu và học tập → Ghi lại những điều bạn học được → Cho biết bạn đã học được điều đó bằng cách nào.

Chủ đề: -----

Tên: -----

Ngày: -----

What I Know (Những điều tôi đã biết)	What I Want to Know (Những điều tôi muốn biết)	What I Learned (Những điều tôi đã học được)	How I Learned (Cách tôi đã học)

2.13.3. Mục đích sử dụng biểu đồ KWL

Biểu đồ KWL phục vụ cho các mục đích như tìm hiểu kiến thức có sẵn của học sinh về bài đọc, đặt ra mục tiêu cho hoạt động đọc, giúp học sinh tự giám sát quá trình đọc hiểu, cho phép học sinh đánh giá quá trình đọc hiểu của mình, tạo cơ hội cho học sinh diễn tả ý tưởng vượt ra ngoài khuôn khổ bài đọc.

2.13.4. Hướng dẫn sử dụng biểu đồ KWL

Chọn bài đọc: phương pháp này đặc biệt có hiệu quả với các bài đọc hiểu mang ý nghĩa như tìm hiểu, giải thích,...

Tạo bảng KWL: giáo viên kẻ biểu đồ KWL lên bảng, ngoài ra, mỗi học sinh cũng có một biểu đồ trong cuốn tập.

Đề nghị học sinh động não nhanh và nêu ra các từ, cụm từ có liên quan đến chủ đề. Thầy và trò cùng ghi nhanh các ý tưởng mà trò đã biết vào cột K.

Một số lưu ý tại cột K: chuẩn bị những câu hỏi để giúp học sinh động não. Đôi khi để khởi động, học sinh cần nhiều hơn là chỉ đơn giản nói với các em: “Hãy nói những gì các em đã biết về.....”. Khuyến khích học sinh giải thích. Điều này rất quan trọng vì đôi khi những điều các em nêu ra có thể là mơ hồ hoặc không bình thường. Hỏi học sinh xem các em muốn biết thêm điều gì về chủ đề. Cả giáo viên và học sinh ghi nhận câu hỏi vào cột W. Hoạt động này kết thúc khi học sinh đã nêu ra tất cả các ý tưởng. Nếu học sinh trả lời bằng một câu phát biểu bình thường, hãy biến nó thành câu hỏi trước khi ghi nhận vào cột W.

Một số lưu ý tại cột W: hỏi những câu hỏi tiếp nối và gợi mở. Nếu chỉ hỏi các em: “Các em muốn biết thêm điều gì về chủ đề này?”. Đôi khi học sinh trả lời đơn giản “không biết”, vì các em chưa có ý tưởng. Hãy thử sử dụng một số câu hỏi sau:

“Em nghĩ mình sẽ biết thêm được điều gì sau khi em đọc chủ đề này?”

Chọn một ý tưởng từ cột K và hỏi, “Em có muốn tìm hiểu thêm điều gì có liên quan đến ý tưởng này không?”

Chuẩn bị sẵn một số câu hỏi của riêng giáo viên để bổ sung vào cột W. Có thể giáo viên mong muốn học sinh tập trung vào những ý tưởng nào đó, trong khi các câu hỏi của học sinh lại không mấy liên quan đến ý tưởng chủ đạo của bài đọc. Chú ý là không được thêm quá nhiều câu hỏi của giáo viên. Thành phần chính trong cột W vẫn là những câu hỏi của học sinh.

Yêu cầu học sinh đọc và tự điền câu trả lời mà các em tìm được vào cột L. Trong quá trình đọc, học sinh cũng đồng thời tìm ra câu trả lời của các em và ghi nhận vào cột W. Học sinh có thể điền vào cột L trong khi đọc hoặc sau khi đã đọc xong.

Một số lưu ý tại cột L: ngoài việc bổ sung câu trả lời, khuyến khích học sinh ghi vào cột L những điều các em cảm thấy thích. Để phân biệt, có thể đề nghị các em đánh dấu những ý tưởng của các em. Ví dụ, các em có thể đánh dấu tích vào những ý tưởng trả lời cho câu hỏi ở cột W, với các ý tưởng các em thích, có thể đánh dấu sao.

Đề nghị học sinh tìm kiếm từ các tài liệu khác để trả lời cho những câu hỏi ở cột W mà bài đọc không cung cấp câu trả lời (không phải tất cả các câu hỏi ở cột W đều được bài đọc trả lời hoàn chỉnh).

Thảo luận những thông tin được học sinh ghi nhận ở cột L.

Khuyến khích học sinh nghiên cứu thêm về những câu hỏi mà các em đã nêu ở cột W nhưng chưa tìm được câu trả lời từ bài đọc.

2.13.5. Ví dụ

Chủ đề 1: Tìm hiểu sự thích nghi của sâu bọ với môi trường sống.

Tên: Nguyễn Thị Thịnh và Trần Hồng Hoa.

Ngày: 20/08/2009.

What I Know (Những điều tôi biết)	What I Want to Know (Những điều tôi muốn biết)	What I Learned (Những điều tôi đã học)	How I Learned (Cách tôi đã học)
- Sâu bọ rất đa dạng về hình dạng và màu sắc. - Sâu bọ muốn tồn tại và phát triển phải thích nghi với môi trường sống.	- Sâu bọ thích nghi với môi trường sống như thế nào?	- Sâu bọ có nhiều hình thức thích nghi: ngụy trang, giả trang, tự vệ và nhiều hình thức khác. - Sự thích nghi giúp sâu bọ tự vệ, săn bắt và sinh sản để tồn tại.	- Tìm đọc các tài liệu có liên quan. - Nghe giảng viên giảng.

Chủ đề 2: Tìm hiểu về Khủng long.

Tên: Nguyễn Văn A và Trần Thị B.

Ngày: 31/01/2011.

What I Know (Những điều tôi biết)	What I Want to Know (Những điều tôi muốn biết)	What I Learned (Những điều tôi đã học)	How I Learned (Cách tôi đã học)

<ul style="list-style-type: none"> - Khủng long rất to. - Khủng long chết hết rồi. - Chúng sống hồi xưa lắm. - Có rất nhiều phim nói về khủng long 	<ul style="list-style-type: none"> - Khủng long sống vào thời nào? - Tại sao chúng chết? - Chúng sống như thế nào nhỉ? - Những ai nghiên cứu về khủng long? - Làm thế nào chúng ta có thể tìm hiểu được về khủng long? (Câu hỏi giáo viên) 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhà khảo cổ học có một cuộc sống rất thú vị. - Khủng long ăn lá cây, cũng có một số ăn thịt. - Nhiều con khủng long rất to, nhưng nào lại rất nhỏ. - Các mẫu hoá thạch giúp chúng ta hiểu thêm về loài khủng long. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu. - Tham quan bảo tàng. - Tham quan thực tế. - Khảo cổ. - Xem phim. - Tìm kiếm trên Internet.
--	---	---	--

Chủ đề 3: Tìm hiểu về Trọng lực.

Tên: Hoàng Xuân C và Lương Thị D.

Ngày: 31/01/2011.

What I Know (Những điều tôi biết)	What I Want to Know (Những điều tôi muốn biết)	What I Learned (Những điều tôi đã học)	How I Learned (Cách tôi đã học)
<ul style="list-style-type: none"> - Trọng lực giữ chúng ta không bị bay bổng lên. - Làm cho đồ vật bị rơi xuống. - Trọng lực của mặt trăng yếu hơn. - Isaac Newton tìm ra trọng lực. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trọng lực là gì? - Tại sao trọng lực của mặt trăng lại yếu hơn? - Làm thế nào Newton tìm ra trọng lực? - Điều gì quyết định tốc độ rơi của vật xuống mặt đất? (câu hỏi của giáo viên) 	<ul style="list-style-type: none"> - Trọng lực là lực hút của Trái đất lên các vật thể. - Trọng lực phụ thuộc vào khối lượng của vật thể. Mặt trăng nhỏ hơn trái đất rất nhiều lần, do vậy trọng lực trên mặt trăng yếu hơn trên mặt đất. - Lực cản của không khí quyết định tốc độ rơi của vật xuống mặt đất. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tìm đọc các tài liệu có liên quan. - Nghe giáo viên giảng.

Ghi chú: Câu hỏi của học sinh về Newton ở cột W không có câu trả lời trong bài đọc, học sinh sẽ được khuyến khích tìm kiếm câu trả lời từ các tài nguyên khác.

Ngoài ra, còn một số KTDH khác (*Other teaching techniques*) như: kỹ thuật phòng tranh, tham vấn bằng phiếu, tham vấn bằng điểm, tranh châm biếm, bản bia, thảo luận ủng hộ và phản biện, điều cấm kị, chiếc ghế nóng,...

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Đinh Quang Báo, Nguyễn Đức Thành (2000), *Lí luận dạy học Sinh học*, Phần đại cương, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

2. Lê Thị Hoài Châu, Lê Văn Tiến, Nguyễn Văn Vĩnh (1999), *Học tập trong hoạt động và bằng hoạt động*, Tài liệu bồi dưỡng thường xuyên chu kỳ 1997 - 2000 cho giáo viên PTTH & THCS, Trường Đại học Sư phạm TP.HCM.
3. Đặng Xuân Hải (2012), *Kỹ thuật dạy học trong đào tạo theo học chế tín chỉ*, Nxb Bách khoa Hà Nội, 155 tr.
4. Trần Thị Hương (2012), *Dạy học tích cực*, Nxb Trường Đại học Sư phạm TP.HCM, 256 tr.
5. Trần Bá Hoành (1996), *Kỹ thuật dạy học Sinh học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
6. Tống Xuân Tám (2012), “Vận dụng một số kỹ thuật dạy học ở đại học”, *Kiểm yếu Hội thảo “Trao đổi sáng kiến kinh nghiệm trong GV trẻ Trường ĐHSPTP.HCM - lần 1- 2012”*, Trường Đại học Sư phạm TP.HCM, tr. 30-42.
7. Hà Thế Truyền (2008), *Đổi mới phương pháp dạy học*, Bài giảng lưu hành nội bộ, Học viện Quản lý Giáo dục, Hà Nội.
8. Vũ Hoa Tươi (Sưu tầm và hệ thống hóa) (2013), *Cẩm nang nghiệp vụ sư phạm Đổi mới phương pháp dạy học hiệu quả và những giải pháp ứng xử trong ngành giáo dục hiện nay*, Nxb Tài chính, Hà Nội, 427 tr.
9. Phạm Viết Vượng (2008), *Lý luận dạy học đại học*, Tài liệu bồi dưỡng Nghiệp vụ sư phạm giảng viên các trường đại học và cao đẳng, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, 44 tr.

Tiếng Anh

10. Intel (2009), *Intel® Teach Elements, Project-Based Approaches*, Intel Education Initiative, and the Intel Teach Program are trademarks of Intel Corporation in the U.S. and other countries.
11. Mantha, S.S et al., *Handbook on Communication Skills for Public Managers*, Centre for Good Governance, Knowledge - Technology - People, Andhra Pradesh (India), 67 p.
12. Maxwell, J.C. (1985), *The 17 Indisputable Laws of Teamwork, Workbook Embrace Them and Empower Your Team*, VM Nelson Impact A Division of Thomas Nelson Publishers, New York, USA, 223 p.
13. Monahan, T. (2002), *The do it Yourself Lobotomy Open Your Mind to Greater Creative Thinking*, John Wiley & Sons, Inc., New York, USA.
14. Ogle, D.M. (1986), *KWL: A teaching model that develops active reading of expository text*, Reading Teacher, p. 39, p. 564-570.